

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**BÙI THỊ BÍCH TRÂM**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÔ HIỆU  
VÀ HẬU QUẢ PHÁT SINH**

**Chuyên ngành: LUẬT KINH TẾ**

**Mã số : 60 38 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Hà Nội – 2014**

**Công trình được hoàn thành tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

***Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. LÊ VĂN BÌNH***

***Phản biện 1: .....***

***Phản biện 2: .....,***

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại  
Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi: .... giờ ... ngày ... tháng... năm....

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

## MỤC LỤC

Lời cam đoan	
Mục lục	
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ HỢP ĐỒNG VÀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA.....	8
1.1. Khái niệm về hợp đồng và hợp đồng mua bán hàng hóa.....	8
1.1.1. Khái niệm về hàng hóa và mua bán hàng hóa .....	8
1.1.2. Khái niệm về hợp đồng.....	10
1.2. Một số loại hợp đồng .....	12
1.3. Đặc điểm và nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa .....	25
1.3.1. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa .....	25
1.3.2. Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa.....	33
Chương 2: HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÔ HIỆU .....	44
2.1. Giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa.....	44
2.2. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu .....	48
2.2.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa có hiệu lực.....	48
2.2.2. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu .....	49
2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật liên quan đến giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu .....	68
Chương 3: HẬU QUẢ PHÁT SINH TỪ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÔ HIỆU VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP .....	105
3.1. Một số ví dụ về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu .....	105
3.1.1. Ví dụ về trường hợp mua bán nhà vô hiệu.....	105
3.1.2. Ví dụ tranh chấp về tính vô hiệu của hợp đồng đổi hàng vô hiệu .....	106
3.1.3. Ví dụ về thoái thác trách nhiệm thực hiện hợp đồng bằng cách đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu.....	110

3.2. Hậu quả phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu .....	111
3.2.1. Hậu quả pháp lý chung đối với giao dịch dân sự vô hiệu .....	111
3.2.2. Hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu trong trường hợp tài sản đã được chuyển giao cho người thứ ba ngay tình .....	115
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa .....	117
3.3.1. Một số vấn đề cần chú ý khi giao kết hợp đồng .....	117
3.3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện về hợp đồng .....	128
3.3.3. Việt Nam cần gia nhập Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế .....	132
KẾT LUẬN .....	134

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam đang phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Qua hơn hai thập niên đổi mới và phát triển kinh tế, Việt Nam đã khẳng định đường lối phát triển đất nước của nhà nước là đúng đắn khi đưa Việt Nam từ một nước với nền nông nghiệp lạc hậu đang ngày càng trở thành một quốc gia có nền kinh tế phát triển, đa dạng, phong phú, kết hợp được sức mạnh bên trong và tận dụng được sự hỗ trợ bên ngoài từ lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài.

Việt Nam đã thừa nhận đa hình thức sở hữu, đa hình thức kinh doanh. Cùng với sự đa dạng của các hình thái kinh tế là sự phong phú trong các hình thức hợp đồng hay thỏa thuận giữa các chủ thể kinh doanh về một lĩnh vực nào đó, ví dụ như hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước và quốc tế. Tùy thuộc vào lĩnh vực kinh doanh và đối tượng kinh doanh mà các bên giao kết hợp đồng (chủ thể của các loại hợp đồng này có thể là thương nhân hoặc nhà nước) đặt tên gọi cho từng loại hợp đồng cụ thể với các tên gọi khác nhau, ví dụ như: khế ước, thỏa thuận, giao ước, giao kèo, hiệp ước, hiệp định v.v...

Luật Thương mại năm 2005 đã được Quốc hội Việt Nam ban hành ngày 14/11/2005 quy định về hoạt động thương mại, luật đã chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 và thay thế cho luật thương mại năm 1997. Luật thương mại năm 2005 đã tạo ra một hành lang pháp lý cho các thương nhân trong hoạt động thương mại. Khác với luật thương mại năm 1997, luật thương mại năm 2005 đã quy định khá đầy đủ và cụ thể về mua bán hàng hóa và về hợp đồng mua bán hàng hóa. Tuy nhiên, để ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa tuân thủ các quy định của pháp luật, tránh các trường hợp ký kết hợp đồng vô hiệu đòi hỏi các bên, các thương nhân cần có sự tiếp cận luật để nghiên cứu thấu đáo về các nội dung cần thiết phục vụ cho việc ký kết hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng, tránh ký kết hợp đồng vô hiệu, hạn chế những tổn hại về thời gian và về kinh tế.

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc ký kết hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng, học viên đã chọn nghiên cứu đề tài “*Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu và hậu quả phát sinh*” làm luận văn tốt nghiệp. Đề tài đi sâu nghiên cứu để trả lời những câu hỏi về hợp đồng nói chung, về hợp đồng vô hiệu là gì, nó có hệ quả gì đối với các bên ký kết và đối với nền kinh tế và với toàn xã hội, vì sao lại có hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu và việc kiểm soát như thế nào, thực tiễn quy

định của pháp luật trong và ngoài nước về hợp đồng vô hiệu, cơ sở lý luận và bài học kinh nghiệm gì cho các thương nhân tránh ký kết hợp đồng vô hiệu và kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

Trong hội nhập quốc tế hiện nay, việc nghiên cứu hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu không thể không đề cập đến hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế hay hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài có hiệu lực và vô hiệu, trong quá trình thực hiện luận văn tác giả sẽ đề cập và so sánh đối với loại hình hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài này.

Việc nghiên cứu toàn diện và có hệ thống từ những vấn đề lý luận, thực tiễn về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu và hậu quả pháp sinh là một vấn đề mang tính thời sự, có ý nghĩa quan trọng nhằm góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bên của hợp đồng trong hoạt động thương mại hay kinh doanh thương mại. Đồng thời, việc đi sâu nghiên cứu chế độ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa sẽ phần nào giúp cho các thương nhân hay các loại hình doanh nghiệp Việt Nam hiểu rõ, vận dụng có hiệu quả pháp luật trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa. Từ đó đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này.

## **2. Tình hình nghiên cứu của đề tài**

Về hợp đồng nói chung, hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng đã đề cập trong nhiều văn bản pháp luật quốc gia trong nước và ngoài nước, trong pháp luật quốc tế, trong các công trình nghiên cứu của các tác giả khác nhau. Ví dụ:

Pháp luật trong nước như: Bộ luật Dân sự năm 2005; Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011); Luật Thương mại năm 2005; Luật Doanh nghiệp năm 2005; Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006; Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế năm 1994; Các văn bản hướng dẫn thực hiện các luật và pháp lệnh nói trên; Nghị quyết số 04/2003/NQ-HĐTP ngày 27/5/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các vụ án kinh tế; v.v...;

Pháp luật nước ngoài như: Bộ luật Dân sự Pháp năm 1804; Bộ Luật thương mại Thống nhất Hoa Kỳ UCC (Uniform Commercial Code); Luật bán hàng của Anh; Luật Hợp đồng Trung Quốc năm 1999; Bộ luật Dân sự của Nga năm 1994; Bộ luật Dân sự của Québec, Canada, năm 1994; Những quy định chung của Luật Hợp đồng ở Pháp, Anh, Mỹ, Đức; v.v...;

Trong luật quốc tế như: Công ước Viên về hợp đồng mua bán quốc tế hàng hóa năm 1980; Công ước New York năm 1958 về công nhận và thi hành phán quyết của

Trọng tài nước ngoài; Bộ nguyên tắc của UNIDROIT về hợp đồng thương mại quốc tế năm 2004; 50 phán quyết trọng tài quốc tế chọn lọc. Hà Nội, năm 2002; Công ước Rome ngày 19/6/1980 về xác định luật áp dụng đối với nghĩa vụ hợp đồng; Tập quán INCOTERMS năm 2010; v.v...;

Trong các ấn phẩm và bài viết khác như: Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế, nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương pháp giải quyết. NXB CTQG. Hà Nội, 2010; Đại cương về pháp luật hợp đồng của Dịch giả Trần Đức Sơn (Bản dịch tiếng Việt của Nhà pháp luật Việt - Pháp). NXB Văn hóa thông tin Hà Nội, 2002; Những vấn đề cơ bản về Liên minh châu Âu và pháp luật cộng đồng châu Âu (Nhà pháp luật Việt - Pháp). NXB Văn hóa - Thông tin. Hà Nội, 2002; Trọng tài và các phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn - Giải quyết các tranh chấp thương mại như thế nào của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam; Bài viết của Đỗ Văn Đại về “Nhầm lẫn trong chế định hợp đồng: Những bất cập và hướng sửa đổi Bộ luật Dân sự” đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp. Số 22(11/2009) và Số 23 (12/2009); Dương Anh Sơn và Nguyễn Ngọc Sơn với bài viết về “Tác động của các hình thức lỗi đến việc xác định trách nhiệm hợp đồng nhìn từ góc độ trung thực và thiện chí” đăng trên Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 1(38)/2007; Ví dụ về hợp đồng vô hiệu đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 5/2005; Nguyễn Như Phát viết về “Điều kiện thu hút sự tham gia của các nhà khoa học vào hoạt động xây dựng pháp luật” đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 10/2006; v.v...;

Trong các giáo trình như: Giáo trình Luật Hợp đồng (Phần chung) và Giáo trình Luật Thương mại (Phần chung và Thương nhân). NXB ĐHQG Hà Nội, 2013 của PGS.TS. Ngô Huy Cương; Giáo trình Thương mại quốc tế. NXB CTQG. Hà Nội, 2005 của PGS.TS. Nguyễn Bá Điển; Việt Nam dân luật lược khảo. Quyển II – Nghĩa vụ và khế ước. In lần thứ nhất, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản. Sài Gòn, 1963 của Vũ Văn Mẫu; Giáo trình Luật hợp đồng thương mại quốc tế. NXB ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, 2005; Giáo trình Luật Dân sự Liên bang Nga. NXB Prospect. Tập 1. M, 2000; Gusev. A.N. Bình luận BLDS Liên bang Nga. NXB INFRA. M, 2000; Konrad Zweigert, Hein Kotz. So sánh luật trong lĩnh vực tư pháp. Tập 2, NXB Quan hệ quốc tế. M, 1998; Anson V. Law of Contract, p.203; v.v...

Như vậy, về hợp đồng với chung và hợp đồng mua bán hàng hóa và các vấn đề khác có liên quan đến hợp đồng đã được nghiên cứu ở rất nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, đề tài “*Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu và hậu quả phát sinh*” nếu xét trên góc độ và theo hướng nghiên cứu của đề tài, thì hiện tại chưa có một công trình nghiên cứu nào đề cập một cách toàn diện và tổng thể dưới góc độ sách chuyên khảo.

Do đó, việc lựa chọn chuyên đề này để nghiên cứu chuyên sâu hơn là cần thiết và luôn có tính mới cả về lý luận và thực tiễn.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài**

*Mục đích nghiên cứu của đề tài:*

Làm sáng tỏ bản chất của hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng, nghiên cứu hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu, nguyên nhân, hậu quả phát sinh và hướng khắc phục.

*Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài:*

- Làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận chung về hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu nói riêng;

- Phân tích và so sánh các căn cứ làm phát sinh hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu theo Luật thương mại Việt Nam năm 2005 và các văn bản có liên quan, có so sánh với quy định Công ước Viên năm 1980 về mua bán hàng hóa quốc tế và pháp luật một số nước, pháp luật khu vực;

- Rút ra một số điểm còn bất cập, chưa hợp lý của pháp luật Việt Nam điều chỉnh về hợp đồng, hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu;

- Kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam nhằm loại bỏ việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu và các biện pháp khắc phục hậu quả phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước về pháp luật, về hội nhập quốc tế, về phát triển và hợp tác kinh tế.

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, đề tài đặc biệt coi trọng các phương pháp hệ thống, lịch sử, logic, tổng hợp, phân tích, diễn giải, quy nạp và so sánh pháp luật.

### **5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

Những phân tích, đánh giá và kiến nghị của đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong việc ký kết hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng, giúp hạn chế rủi ro, tránh tối đa nguyên nhân phát sinh của hợp đồng vô hiệu và tranh chấp phát sinh trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng;

So sánh pháp luật giữa các quốc gia khác nhau và luật quốc tế về lĩnh vực đề tài nghiên cứu nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hợp đồng. Đề tài cũng giúp các thương nhân (doanh nghiệp) Việt Nam hiểu và vận dụng đúng pháp luật trong quá trình ký kết hợp đồng và hợp đồng mua bán hàng hóa.



## 6. Những đóng góp mới của đề tài

Đề tài luận văn là công trình được nghiên cứu một cách tổng thể các vấn đề về lý luận và thực tiễn về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu và hậu quả phát sinh từ loại hợp đồng này.

Kết quả của đề tài có thể được dùng làm phương tiện tham khảo nhằm ngăn chặn nguyên nhân phát sinh hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu, cũng như tham khảo cho việc giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng vô hiệu.

Trên cơ sở nghiên cứu pháp luật quốc gia có so sánh với pháp luật nước ngoài và pháp luật quốc tế về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu, các kiến nghị và giải pháp mà luận văn đưa ra (để sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định hiện hành về nguyên nhân làm phát sinh và phương thức giải quyết hậu quả của hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu) có thể làm nguồn tư liệu tham khảo cho các cơ quan nhà nước, cho công tác giảng dạy, nghiên cứu và học tập tại các cơ sở đào tạo luật.

## 7. Bố cục của luận văn

Luận văn ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được kết cấu làm 3 chương:

*Chương 1: Tổng quan về hợp đồng và hợp đồng mua bán hàng hóa;*

*Chương 2: Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu;*

*Chương 3: Hậu quả phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu và một số kiến nghị, giải pháp.*

Trong đó *Chương 1* đã khái quát hóa các loại hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc phát sinh hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu. *Chương 2* đi sâu phân tích các vấn đề về nội dung cơ bản của hợp đồng và hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu, cũng như phương thức xử lý hợp đồng vô hiệu. *Chương cuối* đề cập đến hậu quả phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu, nghiên cứu việc giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa hai bên: bên mua và bên bán hàng hóa theo hợp đồng, đưa ra các giải pháp nhằm giúp cho các bên hợp đồng tránh được việc ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu. Trong chương này có đề cập đến các ví dụ làm minh chứng cho hợp đồng vô hiệu.

# Chương 1: TỔNG QUAN VỀ HỢP ĐỒNG VÀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

## 1.1. Khái niệm về hợp đồng và hợp đồng mua bán hàng hóa

### 1.1.1. Khái niệm về hàng hóa và mua bán hàng hóa

*Một là*, về giá trị sử dụng, giá trị sử dụng là công dụng của sản phẩm có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người.

*Hai là*, về giá trị hàng hoá: được biểu thị từ giá trị trao đổi. Giá trị trao đổi là quan hệ tỷ lệ về lượng mà giá trị sử dụng này trao đổi với giá trị sử dụng khác.

Luật thương mại năm 2005 quy định hàng hóa bao gồm: tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai; và những vật gắn liền với đất đai (khoản 2, điều 3). Như vậy, hàng hóa trong thương mại là đối tượng mua bán có thể là hàng hóa hiện đang tồn tại hoặc sẽ có trong tương lai, hàng hóa có thể là động sản hoặc bất động sản được phép lưu thông thương mại và phải loại trừ một số hàng hóa đặc biệt chịu sự điều chỉnh riêng như cổ phiếu, trái phiếu, v.v... Bộ luật dân sự năm 2005, tại điều 163 và điều 174 đã giải thích rõ ràng tài sản bao gồm là vật, tiền, giấy tờ có giá trị và các quyền tài sản. Vật gồm có động sản và bất động sản, bất động sản là các tài sản bao gồm: đất đai; nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai, kể cả các tài sản gắn liền với nhà, công trình xây dựng đó; các tài sản khác gắn liền với đất đai; các tài sản khác do pháp luật quy định, ví dụ như các công trình xây dựng ở thềm lục địa v.v... Động sản là những tài sản không phải là bất động sản, như tiền, giấy tờ có giá như sách, bút, ti vi, tủ lạnh v.v... có thể trao đổi mua bán được. Động sản không phải đăng ký, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (điều 167 Bộ luật Dân sự năm 2005 về đăng ký quyền sở hữu tài sản).

### 1.1.2. Khái niệm về hợp đồng

Chế định hợp đồng là một trong những chế định ra đời sớm nhất trong hệ thống pháp luật. Kể từ khi loài người có nhu cầu hoạt động giao lưu, trao đổi với nhau, thì đó cũng chính là lúc làm xuất hiện hợp đồng, mặc dù hợp đồng trong thời buổi này còn rất sơ khai và có thể nói là đang ở dạng đơn giản nhất. Về cơ sở pháp lý, hợp đồng là một trong những chế định quan trọng nhất trong hệ thống pháp luật, nhất là trong pháp luật dân sự và pháp luật kinh doanh.

Hợp đồng là một sự thỏa thuận giữa các bên của hợp đồng về việc sẽ thực hiện hay không thực hiện một điều gì đó. Hợp đồng là một phương tiện rất quan trọng giúp cho con người thỏa mãn các nhu cầu trong sinh hoạt hàng ngày, nó đáp ứng gần

như tất cả các nhu cầu thiết yếu của con người không chỉ trong phạm vi lãnh thổ của một quốc gia, mà còn trên phạm vi của cả cộng đồng quốc tế. Chính hợp đồng đã tham gia tích cực góp phần gìn giữ và bảo vệ hòa bình, duy trì sự ổn định quốc tế vì các điều ước quốc tế nói chung nếu xét về bản chất cũng chính là các hợp đồng hay có bản chất hợp đồng. Khi con người hay quốc gia có nhu cầu trao đổi hàng hóa với nhau đương nhiên cần dựa trên cơ sở hợp đồng, mà cụ thể ở đây là hợp đồng mua bán hàng hóa có thể trong phạm vi một quốc gia hay hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế giữa các quốc gia, tức là trên phạm vi quốc tế.

Pháp luật của các quốc gia đã đưa ra các khái niệm khác nhau về hợp đồng. Ví dụ, Bộ luật Dân sự của Liên bang Nga năm 1994; Bộ luật Dân sự của Pháp năm 1804; Bộ luật Dân sự của Québec, Canada, năm 1994.

Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2005 đã định nghĩa rằng hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự

## 1.2. Một số loại hợp đồng

Hợp đồng có rất nhiều tên gọi khác nhau, ví dụ như các thỏa thuận, các giao ước, khế ước, giao kèo, thỏa ước, hiệp định, định ước, điều ước, v.v... Tùy theo nội dung của từng loại hợp đồng mà các chủ thể của nó đặt cho các tên gọi khác nhau, và cũng tùy thuộc vào phạm vi điều chỉnh của hợp đồng mà người ta gọi là hợp đồng ... có yếu tố nước ngoài hay các điều ước quốc tế.

Chúng ta có thể khái quát qua một số loại hợp đồng sau đây:

*Về hợp đồng kinh tế.*

*Về hợp đồng dân sự.* Theo Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự (điều 388). Tuy hình thức và nội dung của hợp đồng dân sự được Bộ luật quy định nhưng để soạn thảo được một hợp đồng thể hiện ý chí của các bên, bảo đảm không trái pháp luật và đạo đức xã hội thì là vấn đề không đơn giản.

Qua định nghĩa về hợp đồng dân sự trong Bộ Luật Dân sự năm 2005, chúng ta có thể thấy rằng, hợp đồng dân sự có các yếu tố cơ bản sau đây:

*Một là*, hợp đồng dân sự phải có sự tham gia của các bên;

*Hai là*, hợp đồng dân sự được hình thành trên cơ sở thỏa thuận và thống nhất ý chí giữa các chủ thể tham gia quan hệ đó;

*Ba là*, hậu quả pháp lý của sự thỏa thuận giữa các bên trong quan hệ hợp đồng là nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ dân sự; và

*Bốn là*, sự thỏa thuận giữa các bên không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như giá tạo, nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, v.v...

*Về hợp đồng mua bán hàng hóa.* Hợp đồng mua bán hàng hóa là hoạt động thương mại, theo đó nội dung hợp đồng ghi nhận về các quyền và nghĩa vụ của bên bán và bên mua, tức là: bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận.

Như vậy, chúng ta có thể tạm thời đưa ra khái niệm về hợp đồng mua bán hàng hóa như sau: hợp đồng mua bán hàng hóa là hợp đồng được xác lập (hay ký kết) giữa các bên (bên mua và bên bán), thỏa mãn về hình thức theo quy định tại khoản 1 điều 24 Luật Thương mại năm 2005, trong đó đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa là hàng hóa được phép mua bán theo quy định của pháp luật.

*Về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.* Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế không được định nghĩa trong Luật Thương mại năm 2005, nhưng qua quy định tại Điều 758 Bộ Luật Dân sự năm 2005 về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, có thể suy ra rằng một hợp đồng được coi là hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế khi có một trong các yếu tố sau:

*Một là*, căn cứ vào yếu tố chủ thể, hợp đồng được giao kết bởi các bên không cùng quốc tịch;

*Hai là*, căn cứ vào yếu tố đối tượng, hàng hóa là đối tượng của hợp đồng đang tồn tại ở nước ngoài;

*Ba là*, căn cứ vào nơi xác lập và thực hiện hợp đồng, hợp đồng được giao kết ở nước ngoài (nước mà các bên chủ thể giao kết hợp đồng không mang quốc tịch) và có thể được thực hiện ở nước mình hay nước thứ ba.

Theo Công ước Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế năm 1980 (United Nations Convention on Contracts for International Sales of Goods, Vienna 1980 – CISG, gọi tắt là Công ước Viên năm 1980), thì tiêu chí để xác định tính chất quốc tế của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được quy định tại điều 1 như sau:

*Thứ nhất*, Công ước này áp dụng cho các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên có trụ sở thương mại tại các quốc gia khác nhau, tức là khi các quốc gia này là các quốc gia thành viên của Công ước hoặc khi theo các quy tắc tư pháp quốc tế thì luật được áp dụng là luật của nước thành viên Công ước này;

*Thứ hai*, sự kiện các bên có trụ sở thương mại tại các quốc gia khác nhau không tính đến nếu sự kiện này không xuất phát từ hợp đồng, từ các mối quan hệ đã

hình thành hoặc vào thời điểm ký hợp đồng giữa các bên hoặc là từ việc trao đổi thông tin giữa các bên;

*Thứ ba*, quốc tịch của các bên, quy chế dân sự hoặc thương mại của họ, tính chất dân sự hay thương mại của hợp đồng không được xét tới khi xác định phạm vi áp dụng của Công ước này.

Như vậy, dù hai công ước quan trọng nhất về mua bán hàng hóa quốc tế là Công ước La Haye năm 1964 và Công ước Viên năm 1980 không đưa ra khái niệm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nhưng đều lấy tiêu chí trụ sở thương mại của các bên đương sự làm tiêu chí quan trọng nhất để xác định tính chất quốc tế của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Vậy, chúng ta có thể đưa ra khái niệm về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, theo đó hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là hợp đồng được ký kết giữa các bên có trụ sở thương mại nằm trên lãnh thổ của các quốc gia khác nhau, đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là hàng hóa được phép mua bán (không bị cấm) theo quy định của pháp luật quốc gia bên mua và bên bán.

### **1.3. Đặc điểm và nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa**

#### ***1.3.1. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa***

Có thể xem xét các đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa trong mối liên hệ với hợp đồng mua bán tài sản theo nguyên lý của mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung. Hợp đồng mua bán hàng hóa cũng có những đặc điểm chung của hợp đồng mua bán tài sản trong dân sự, điều đó được thể hiện dưới các góc cạnh sau đây:

*Thứ nhất*, hợp đồng mua bán hàng hóa là hợp đồng ưng thuận, tức là nó được coi là giao kết tại thời điểm các bên thỏa thuận xong các điều khoản cơ bản, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng không phụ thuộc vào thời điểm bàn giao hàng hóa, việc bàn giao hàng hóa chỉ được coi là hành động của bên bán nhằm thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng mua bán đã có hiệu lực;

*Thứ hai*, hợp đồng mua bán hàng hóa có tính đền bù, bên bán khi thực hiện nghĩa vụ giao hàng hóa cho bên mua thì sẽ nhận từ bên mua một lợi ích tương đương với giá trị hàng hóa theo thỏa thuận dưới dạng khoản tiền thanh toán;

*Thứ ba*, hợp đồng mua bán hàng hóa là hợp đồng song vụ, mỗi bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa đều bị ràng buộc bởi nghĩa vụ đối với bên kia, đồng thời lại cũng là bên có quyền đòi hỏi bên kia thực hiện nghĩa vụ đối với mình. Trong hợp đồng mua bán hàng hóa tồn tại hai nghĩa vụ chính mang tính chất qua lại và liên quan mật thiết với nhau: nghĩa vụ của bên bán phải bàn giao hàng hóa cho bên mua và nghĩa vụ của bên mua phải thanh toán cho bên bán.

Với tư cách là hình thức pháp lý của quan hệ mua bán hàng hóa, hợp đồng mua bán hàng hóa có những đặc điểm nhất định, xuất phát từ bản chất thương mại của hành vi mua bán hàng hóa, theo đó nó có các đặc điểm sau đây:

*Một là*, về chủ thể, hợp đồng mua bán hàng hóa được thiết lập giữa các chủ thể chủ yếu là thương nhân. Luật Thương mại năm 2005 quy định thương nhân bao gồm: tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp; cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh. Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân không phải là thương nhân cũng có thể trở thành chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo khoản 3 Điều 1 Luật Thương mại năm 2005, hoạt động của bên chủ thể không phải là thương nhân và không nhằm mục đích sinh lợi trong quan hệ mua bán hàng hóa phải tuân theo Luật thương mại Việt Nam trong trường hợp chủ thể này lựa chọn áp dụng Luật Thương mại Việt Nam;

*Hai là*, về hình thức, hợp đồng mua bán hàng hóa có thể được thể hiện dưới hình thức lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể của các bên giao kết. Trong một số trường hợp nhất định, pháp luật bắt buộc các bên phải giao kết hợp đồng dưới hình thức văn bản, ví dụ như hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế phải được thể hiện dưới hình thức văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương như điện báo, telex, fax hay thông điệp dữ liệu;

*Ba là*, về đối tượng, hợp đồng mua bán hàng hóa có đối tượng là hàng hóa. Theo nghĩa thông thường có thể hiểu hàng hóa là sản phẩm lao động của con người, được tạo ra nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu của con người. Cùng ngày cùng với sự phát triển của xã hội, hàng hóa càng trở nên phong phú. Khái niệm hàng hóa được quy định trong luật pháp các nước hiện nay dù có những khác biệt nhất định song đều có xu hướng mở rộng các đối tượng là hàng hóa được phép lưu thông.

*Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.* Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có các đặc điểm tương tự như các đặc điểm của một hợp đồng mua bán hàng hóa nói chung, đó là: sự thỏa thuận giữa các bên, thể hiện sự tự nguyện, thống nhất ý chí của bên mua và bên bán; đối tượng của hợp đồng là hàng hóa được phép lưu thông trên thị trường theo quy định pháp luật; chủ thể tham gia hợp đồng bình đẳng với nhau trong quan hệ mua bán hàng hóa; là hợp đồng song vụ, có đền bù và là hợp đồng ưng thuận.

Ngoài những đặc điểm chung của hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế còn có những đặc điểm riêng mang tính chất đặc trưng.

*Về chủ thể*, chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là các bên có trụ sở thương mại đặt tại các nước khác nhau.

*Về đối tượng*, đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói chung là hàng hóa.

*Về đồng tiền dùng để thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế*, đồng tiền dùng trong thanh toán có thể là đồng tiền của một trong các bên tham gia hợp đồng tức là có thể là ngoại tệ đối với một hoặc cả hai bên tham gia hợp đồng, có thể là đồng tiền của một nước thứ ba, có thể là đồng tiền được sử dụng trong khu vực, cũng có thể là đồng tiền được dùng trên phạm vi toàn thế giới.

*Về ngôn ngữ của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế*, ngôn ngữ của hợp đồng cũng đa dạng: có thể ngôn ngữ mẹ đẻ đối với cả hai bên, có thể là ngoại ngữ đối với một hoặc cả hai bên.

*Về giải quyết tranh chấp*, tranh chấp về việc giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có thể được giải quyết bởi tòa án nước ngoài hoặc trọng tài nước ngoài đối với một hoặc cả hai bên tham gia hợp đồng.

*Về nơi ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế*, việc giao kết hợp đồng có thể diễn ra ở nước ngoài đối với một hoặc cả hai bên,

### **1.3.2. Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa**

Nội dung của hợp đồng nói chung là các điều khoản do các bên thỏa thuận, thể hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hợp đồng. Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa là các điều khoản do các bên thỏa thuận, thể hiện quyền và nghĩa vụ của bên bán và bên mua trong quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa.

*Về quyền và nghĩa vụ của bên bán và bên mua*

*Nghĩa vụ của bên bán*

*Một là*, giao hàng đúng đối tượng và chất lượng.

*Hai là*, giao chứng từ kèm theo hàng hóa.

*Ba là*, giao hàng đúng thời hạn và địa điểm.

*Bốn là*, kiểm tra hàng hóa trước khi giao hàng.

*Năm là*, đảm bảo quyền sở hữu đối với hàng hóa mua bán và chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua.

*Sáu là*, theo tính chất của việc chuyển giao hàng hóa.

*Bảy là*, theo phương thức mua bán.

*Nghĩa vụ bảo hành hàng hóa của bên bán*, bên cạnh nghĩa vụ quan trọng nhất là bàn giao hàng hóa, bên bán còn có một nghĩa vụ khác, đó là bảo hành hàng hóa, tức là trong một thời hạn nhất định, bên bán phải chịu trách nhiệm về hàng hóa sau khi đã giao hàng hóa cho bên mua.

*Nghĩa vụ cơ bản của bên mua*

*Một là, bên mua có nghĩa vụ nhận hàng.*

*Hai là, bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền.*

Như vậy Luật Thương mại năm 2005 đã quy định tương đối đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bên mua và bên bán khi các bên này giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa.



## **Chương 2: HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÔ HIỆU**

### **2.1. Giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa**

Thời điểm giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa là thời điểm mà các bên đã đạt được sự thỏa thuận. Trong quá trình xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa, các vấn đề pháp lý cơ bản mà các bên cần làm rõ là:

*Một là, đề nghị giao kết hợp đồng;*

*Hai là, chấp nhận đề nghị hợp đồng; và*

*Ba là, thời điểm giao kết hợp đồng.*

*Về đề nghị giao kết hợp đồng mua bán*

Đề nghị giao kết hợp đồng có bản chất là hành vi pháp lý đơn phương của một chủ thể, có nội dung bày tỏ ý định giao kết hợp đồng với chủ thể khác theo những điều kiện xác định.

*Về chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng mua bán*

Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng là sự trả lời của bên được đề nghị đối với bên đề nghị về việc chấp nhận toàn bộ nội dung của đề nghị.

*Về thời điểm giao kết hợp đồng mua bán*

Về nguyên tắc, hợp đồng được giao kết vào thời điểm các bên đạt được sự thỏa thuận.

### **2.2. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu**

#### **2.2.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa có hiệu lực**

Hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng có hiệu lực là hợp đồng được pháp luật thừa nhận có giá trị ràng buộc các bên trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã được thỏa thuận. Một hợp đồng mua bán hàng hóa chỉ được coi là có hiệu lực nếu đồng thời thỏa mãn các dấu hiệu sau đây:

*Thứ nhất, các bên (mua và bán) phải hoàn toàn tự nguyện khi giao kết hợp đồng;*

*Thứ hai, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội;*

*Thứ ba, chủ thể hợp đồng phải có năng lực hành vi dân sự;*

*Thứ tư, hình thức của hợp đồng phải phù hợp với quy định của pháp luật nếu pháp luật có yêu cầu hợp đồng phải được xác lập bằng một hình thức nhất định.*

Như vậy, một hợp đồng mua bán hàng hóa mà vi phạm một trong bốn điều kiện nói trên thì sẽ bị vô hiệu, nhưng tùy theo sự vi phạm nội dung gì mà sẽ rơi vào vô hiệu tuyệt đối hay vô hiệu tương đối.

*Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế để có hiệu lực* tức là có khả năng làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia kết ước và phù hợp (không trái) với các quy định của pháp luật.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, tương tự như hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được coi là có hiệu lực nếu tuân thủ các điều kiện sau đây:

*Thứ nhất*, hợp đồng được ký kết trên cơ sở nguyên tắc tự nguyện;

*Thứ hai*, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;

*Thứ ba*, chủ thể hợp đồng phải có năng lực pháp luật và được phép ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế;

*Thứ tư*, hợp đồng phải được ký kết bằng văn bản.

### **2.2.2. Hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu**

Hợp đồng vô hiệu nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu nói riêng là hợp đồng không thỏa mãn đầy đủ các điều kiện có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, các trường hợp hợp đồng kinh doanh vô hiệu được áp dụng theo các quy định về giao dịch dân sự vô hiệu nói chung, theo đó một hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu trong những trường hợp chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất*, vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội.

*Thứ hai*, vô hiệu do giả tạo.

*Thứ ba*, vô hiệu do nhầm lẫn.

*Thứ tư*, vô hiệu do lừa dối.

*Thứ năm*, vô hiệu do bị đe dọa.

*Thứ sáu*, vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

*Thứ bảy*, vô hiệu do vi phạm quy định về hình thức.

Tùy thuộc vào mức độ của sự vô hiệu hợp đồng mà hợp đồng vô hiệu trong các trường hợp nói trên có thể được phân loại thành: Hợp đồng vô hiệu toàn bộ và hợp đồng vô hiệu từng phần, hoặc cũng có thể phân loại thành hợp đồng vô hiệu tuyệt đối và hợp đồng vô hiệu tương đối.

Hợp đồng vô hiệu tương đối có các dấu hiệu sau đây:

*Một là*, chế tài vô hiệu nhằm bảo vệ quyền lợi tư;

*Hai là*, sự vô hiệu chỉ có thể được nài ra bởi các đương sự với điều kiện đã hoặc có thể gánh chịu thiệt hại và đã hành động thiện chí;

*Ba là*, tòa án không thể nài ra sự vô hiệu;

*Bốn là*, hợp đồng vô hiệu tương đối có thể xác nhận lại được. Bởi vô hiệu tương đối là một chế tài nhằm bảo vệ quyền lợi tư, do đó các đặc điểm kéo theo của loại chế tài này khác biệt so với chế tài vô hiệu tuyệt đối.

*Về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế vô hiệu.*

Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được ký kết do nhầm lẫn sẽ bị coi là vô hiệu.

Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được ký kết do đe dọa cũng bị coi là vô hiệu, đe dọa có thể là đe dọa về thể chất hoặc về tinh thần. Theo nguyên tắc UNIDROIT một hành vi được coi là đe dọa trong khi ký kết hợp đồng phải có các dấu hiệu như sau:

*Một là*, đe dọa phải có tính tức thời và nghiêm trọng. Tính tức thời và nghiêm trọng này thể hiện ở chỗ bên bị đe dọa không còn sự lựa chọn nào khác tốt hơn là phải ký hợp đồng, tức là ký hợp đồng trái với ý muốn của mình. Tính tức thời và nghiêm trọng được đánh giá theo các tiêu chuẩn khách quan và chủ quan và tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể;

*Hai là*, sự đe dọa không có lý do chính đáng;

*Ba là*, đe dọa làm ảnh hưởng đến uy tín, đến lợi ích kinh tế.

Trong hoạt động thương mại, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được ký kết do do một trong các bên lừa dối cũng bị coi là vô hiệu, lừa dối là hành vi cố ý của một bên nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệnh về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của hợp đồng nên đã ký kết hợp đồng.

### **2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật liên quan đến giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu.**

Các trường hợp hợp đồng vô hiệu mà thương nhân thường gặp là do không đáp ứng điều kiện kinh doanh và nếu trong thương mại quốc tế có thể thường là đồng tiền thanh toán không phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật của các quốc gia trên thế giới luôn tôn trọng sự thỏa thuận của các bên, sự tự do thỏa thuận hợp đồng và tạo điều kiện cho công dân thực hiện quyền tự do kinh doanh. Do đó các khiếm khuyết trên đã được các chủ thể trong quá trình kinh doanh khắc phục bằng việc xin và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bổ sung và thỏa thuận lại việc thanh toán bằng đồng Việt Nam hoặc thỏa thuận sử dụng ngoại tệ làm đồng tiền định giá nhưng việc thanh toán vẫn là đồng tiền Việt Nam. Do đó, các vụ việc liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế vô hiệu ngày càng ít hay không nhiều.

***Căn cứ để quy trách nhiệm do vi phạm hợp đồng:***

- Có sự vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa

- Có thiệt hại về tài sản của bên bị vi phạm
- Có lỗi của bên vi phạm hợp đồng
- Có quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm hợp đồng của bên vi phạm và thiệt hại về tài sản của bên bị vi phạm

***Các hình thức trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa***

- Chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng.
- Chế tài phạt vi phạm
- Phán quyết của trọng tài
- Chế tài bồi thường thiệt hại
- Giá trị thiệt hại được bồi thường
- Về nghĩa vụ hạn chế thiệt hại và nghĩa vụ chứng minh thiệt hại
- Chế tài tạm ngừng thực hiện hợp đồng
- Chế tài đình chỉ thực hiện hợp đồng
- Chế tài hủy bỏ hợp đồng
- Hậu quả của việc hủy hợp đồng

Pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế tương đối thống nhất về hậu quả pháp lý khi hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bị hủy bỏ. Ví dụ, Công ước Viên năm 1980 quy định tại điều 81; Bộ nguyên tắc UNIDROIT thì tại các điều 7.3.5 và 7.3.6; Luật Thương mại Việt Nam quy định tại điều 314. Theo các văn bản pháp luật (quốc gia và quốc tế) này đều quy định việc hủy hợp đồng có những hậu quả cơ bản sau đây:

*Một là*, hủy bỏ hợp đồng giải phóng các bên khỏi nghĩa vụ của mình được quy định trong hợp đồng trừ những khoản bồi thường thiệt hại có thể có.

*Hai là*, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

*Ba là*, bên vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế mà có lỗi thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia và/hoặc nộp tiền phạt nếu hợp đồng có quy định phạt vi phạm.

***Các căn cứ miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa***

Khi các bên của quan hệ mua bán hàng hóa đã giao kết hợp đồng mà một bên gây thiệt hại cho bên kia thì họ mặc nhiên bị suy đoán là có lỗi và phải chịu trách nhiệm trước bên còn lại về thiệt hại do mình gây ra. Nhưng nếu bên vi phạm chứng minh được mình không có lỗi trong việc xảy ra thiệt hại thì họ không phải chịu trách nhiệm. Để chứng minh mình không có lỗi, bên vi phạm phải chỉ ra được mình thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm theo quy định của pháp luật hoặc thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

## **Chương 3: HẬU QUẢ PHÁT SINH TỪ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÔ HIỆU VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP**

### **3.1. Một số ví dụ về hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu**

*3.1.1. Ví dụ về trường hợp mua bán nhà vô hiệu*

*3.1.2. Ví dụ tranh chấp về tính vô hiệu của hợp đồng đổi hàng vô hiệu*

*3.1.3. Ví dụ về thoái thác trách nhiệm thực hiện hợp đồng bằng cách đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu*

### **3.2. Hậu quả phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu**

*3.2.1. Hậu quả pháp lý chung đối với giao dịch dân sự vô hiệu*

*Thứ nhất*, hợp đồng vô hiệu không làm phát sinh.

*Thứ hai*, về hoàn trả lại tài sản,

*Thứ ba*, về khôi phục tình trạng ban đầu.

*Thứ tư*, về bồi thường thiệt hại khi hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu.

*3.2.2. Hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu trong trường hợp tài sản đã được chuyển giao cho người thứ ba ngay tình*

*Thứ nhất*, tài sản giao dịch là động sản không phải đăng ký quyền sở hữu đã được chuyển giao bằng một giao dịch khác có đền bù. Tuy nhiên, quy định này cũng có ngoại lệ nhất định, đó là trường hợp của hợp đồng vô hiệu có đền bù là động sản không đăng ký quyền sở hữu bị chiếm hữu ngoài ý chí của sở hữu.

*Thứ hai*, tài sản giao dịch là động sản không phải đăng ký quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người thứ ba ngay tình bằng một giao dịch khác không có đền bù, động sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc bất động sản đã được chuyển giao cho người thứ ba ngay tình.

### **3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa**

*3.3.1. Một số vấn đề cần chú ý khi giao kết hợp đồng*

*Một là*, các thương nhân cần xác định đúng căn cứ pháp luật áp dụng khi ký kết hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng.

*Hai là*, các thương nhân khi giao kết hợp đồng cần xác định tên gọi của hợp đồng.

*Ba là*, cần xác định đúng người ký kết hợp đồng theo đúng thẩm quyền luật định (tức là người đại diện theo pháp luật).

*Bốn là*, về chế tài hủy bỏ hợp đồng. Trường hợp hợp đồng đang được hai bên thực thi, nếu trong quá trình thực hiện, một bên vi phạm nghiêm trọng hợp đồng thì đó là căn cứ (theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật) để chấm dứt hợp

đồng, thực tế nhiều hợp đồng lại xác định đây là trường hợp áp dụng chế tài hủy bỏ hợp đồng.

*Năm là*, cần quy định chặt chẽ nội dung của hợp đồng.

*Sáu là*, cần thỏa thuận mức phạt vượt quá quy định khi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng.

*Bảy là*, cần thỏa thuận trong hợp đồng Tòa án nào có thẩm quyền giải quyết theo pháp luật khi phát sinh tranh chấp.

*Tám là*, lỗi của bên bán hàng khi đưa hàng không đúng chủng loại đã giao kết trong hợp đồng.

*Chín là*, lỗi do bên bán hàng không giao hàng cho bên mua như thỏa thuận trong hợp đồng.

### 3.3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện về hợp đồng

*Một là*, về vấn đề văn bản quy phạm pháp luật.

*Hai là*, đối với các doanh nghiệp (hoặc công ty).

### 3.3.3. Việt Nam cần gia nhập Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

*Thứ nhất là* giảm được các chi phí và tránh xung đột trong việc chọn luật áp dụng cho hợp đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho các thương nhân (các bên) đàm phán và tiến tới giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa;

*Thứ hai là*, có một khung pháp lý hiện đại, công bằng và an toàn để thực hiện quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế, từ đó cho các thương nhân có cơ hội được cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp nước ngoài;

*Thứ ba là*, Công ước cũng giúp cho doanh nghiệp Việt Nam tránh được các tranh chấp phát sinh trong kinh doanh quốc tế, và mặt khác là căn cứ hợp lý để giải quyết tranh chấp xảy ra giữa các bên của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

## KẾT LUẬN

Thương mại nói chung và mua bán hàng hóa nói riêng ngày càng có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của bất kỳ quốc gia, vùng, lãnh thổ nào. Các quốc gia luôn trú trọng ban hành các chính sách ưu tiên, hỗ trợ để phát triển thương mại, cũng như hỗ trợ doanh nghiệp trong việc làm ăn, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Để thúc đẩy kinh tế, giao thương hàng hóa thì việc các thương nhân ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa là điều cần thiết.

Giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa, phần lớn trường hợp là các bên mong muốn thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng để đạt được lợi ích như cao nhất. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng cũng có thể xảy ra trường hợp một hoặc các bên vi phạm hợp đồng như: không thực hiện đúng, không thực hiện đầy đủ, chậm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. Thậm chí, không ít trường hợp một bên cố tình vi phạm hợp đồng nhằm đạt được các mục đích của riêng họ, hoặc hợp đồng vô hiệu toàn bộ, từng phần.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia quan hệ mua bán hàng hóa, pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa luôn đóng vai trò quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Bởi vì ngoài việc bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ cho các bên hợp đồng mua bán hàng hóa, các quy định về chế độ trách nhiệm bồi hoàn (hoàn trả) do hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu hoặc bị tuyên vô hiệu, còn là công cụ pháp lý hữu hiệu để nhà nước điều chỉnh và củng cố kỷ luật hợp đồng, răn đe đối tượng mưu cầu trục lợi bằng việc vi cố ý phạm hợp đồng mua bán hàng hóa, hoặc pà phương tiện bỏ ích để các thương nhân lưu ý khi giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa, tránh tối đa việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu.

Trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ hợp đồng mua bán hàng hóa được quy định trong pháp luật quốc gia và nếu là hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế thì được điều chỉnh bằng pháp luật quốc gia và quốc tế. Pháp luật quốc gia là Luật thương mại năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngoài ra là các văn bản có liên quan khác. Pháp luật quốc tế bao gồm các điều ước về thương mại quốc tế đa phương, song phương, các tập quán thương mại quốc tế, trong đó đáng kể nhất và được áp dụng rộng rãi nhất là Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Hai văn bản luật: Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật thương mại năm 2005, về cơ bản đã tạo được một hành lang pháp lý điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hóa nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng và quy định khung pháp

lý đối với vấn đề trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa, quy định tránh nhiệm của các bên đối với hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu và cách thức giải quyết hậu quả phát sinh. Tuy nhiên hai văn bản luật này vẫn chưa có được sự thống nhất và đồng bộ khi điều chỉnh quan hệ kinh tế này, vẫn còn gây khó khăn trong việc áp dụng, chưa thực sự tạo được lòng tin cho doanh nghiệp (thương nhân) khi áp dụng và khi chọn luật Việt Nam để áp dụng cho hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Bên cạnh đó, Luật thương mại được ban hành năm 2005 khi Việt Nam chuẩn bị gia nhập Tổ chức thương mại quốc tế, đến nay đã thể hiện ít nhiều tính chưa phù hợp với WTO, do đó việc sửa đổi bổ sung là cần thiết nhằm phục vụ cho việc hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động mua bán hàng hóa trong và ngoài nước ngày càng phát triển.

Việc nghiên cứu pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa, trong đó có sự so sánh, đối chiếu giữa các văn bản pháp luật Việt Nam với nhau và giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế và pháp luật các nước phát triển và trong khu vực là cần thiết. Tác giả mong muốn kết quả của việc nghiên cứu này ít nhiều góp phần giúp các doanh nghiệp (các thương nhân) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, mua bán hàng hóa có cái nhìn toàn diện về các vấn đề liên quan tới quyền và nghĩa vụ của mình, đặc biệt là vấn đề trách nhiệm do ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu hoặc thực thi nghĩa vụ do hậu quả của hợp đồng mua bán hàng hóa vô hiệu. Qua đó các doanh nghiệp sẽ trang bị cho mình những kiến thức pháp lý cần thiết để đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa một cách công bằng trên cơ sở năng lực cạnh tranh và hiểu biết pháp luật. Việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa được thuận lợi, đồng thời bảo vệ được quyền lợi và tránh được các rủi ro trong quan hệ mua bán hàng hóa kể cả trong trường hợp bị vi phạm, vi phạm hay vô hiệu của hợp đồng mua bán hàng hóa.

Với thời gian và trình độ hiểu biết còn hạn chế của học viên, luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả mong muốn nhận được nhiều ý kiến chỉ dẫn, góp ý của các thầy, cô giáo, các nhà khoa học, các nhà chuyên môn, của các bạn cùng nghiên cứu luật học để tác giả rút kinh nghiệm, tiếp thu nhằm hoàn thiện luận văn, cũng như lấy làm bài học phục vụ trong công việc.